

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Đồ án điều chỉnh

### Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2331/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2025 và kết quả thẩm định của Sở tại Văn bản số 2261/SXD-QHKT ngày 11 tháng 5 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II, với những nội dung như sau:

## I. TÊN ĐỒ ÁN

Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II.

## II. PHẠM VI VÀ QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

**1. Phạm vi ranh giới:** Thuộc địa phận xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp; ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông: Giáp các tuyến đường hiện trạng (gồm: (1) Đường nối từ đường Đông - Tây đến hầm chui Cao tốc Bắc - Nam; (2) Cao tốc Bắc - Nam).

- Phía Tây: Giáp đường và đất nông nghiệp hiện trạng.

- Phía Nam: Giáp đất nông nghiệp hiện trạng.

- Phía Bắc: Giáp đường Đông - Tây.

### 2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô lập quy hoạch: 386 ha.

- Quy mô dân số lao động: Khoảng 19.300 lao động.

## III. TÍNH CHẤT QUY HOẠCH

Là khu công nghiệp đa ngành, trong đó ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có ngành nghề công nghệ cao, công nghiệp sạch và điện tử, phụ trợ cho sản xuất, lắp ráp điện tử, ô tô,...; không thu hút các dự án công nghiệp tiềm ẩn các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

## IV. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

TT	Nội dung sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất khu công nghiệp</b>	<b>379,67</b>	<b>100</b>
1	Đất công nghiệp, kho bãi ( <i>kho tàng</i> )	258,54	68,10
2	Đất công trình quản lý điều hành, dịch vụ	6,13	1,61
3	Đất cây xanh	38,58	10,16
3.1	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng</i>	29,28	7,71
3.2	<i>Đất cây xanh chuyên dụng</i>	9,30	2,45
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	5,15	1,36
5	Đất bãi đỗ xe	3,81	1,00
6	Mặt nước	7,18	1,89
7	Đường giao thông	60,28	15,88
<b>B</b>	<b>Đất khác ngoài khu công nghiệp</b>	<b>6,33</b>	<b>100</b>
<b>Tổng toàn khu (A + B)</b>		<b>386,0</b>	

## 1. Đất khu công nghiệp

- Đất sản xuất công nghiệp, kho bãi (*kho tàng*): Diện tích 258,54 ha (*chiếm 68,1% diện tích đất toàn khu công nghiệp*); mật độ xây dựng thuần của lô đất công nghiệp tối đa là 70%; đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%. Dành 5,0 ha đất công nghiệp (*hoặc 3% tổng diện tích đất công nghiệp của khu công nghiệp*) trong lô CN-10 cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định.

- Đất công trình quản lý điều hành, dịch vụ: Diện tích 6,13 ha (*chiếm 1,61% diện tích đất toàn khu công nghiệp*); bao gồm các lô đất ký hiệu CC-01, CC-2.1 và CC-2.2 để xây dựng các công trình nhà điều hành, quản lý khu công nghiệp và các công trình cung ứng dịch vụ vui chơi, giải trí, ngân hàng, tài chính, lưu trú, hội họp, tổ chức sự kiện, các thiết chế văn hóa,... phục vụ cho người lao động và các tổ chức doanh nghiệp; mật độ xây dựng tối đa 60%, tầng cao xây dựng tối đa 05 tầng.

- Đất cây xanh: Diện tích 38,58 ha (*chiếm 10,16% diện tích đất toàn khu công nghiệp*); gồm cây xanh sử dụng công cộng diện tích 29,28 ha và cây xanh chuyên dụng diện tích 9,3 ha; mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng.

- Đất hạ tầng kỹ thuật: Diện tích 5,15 ha (*chiếm 1,36% diện tích đất toàn khu công nghiệp*); khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật gồm những công trình cung cấp và đảm bảo kỹ thuật cho khu công nghiệp (*trạm biến áp, trạm xử lý cấp nước, nhà máy xử lý nước thải, trạm trung chuyển chất thải rắn, bãi đỗ xe, xưởng sửa chữa,...*); mật độ xây dựng tối đa 40%, tầng cao xây dựng tối đa 02 tầng.

- Đất bãi đỗ xe: Diện tích 3,81 ha (*chiếm 1,0% diện tích đất toàn khu công nghiệp*); mật độ xây dựng tối đa 5%; tầng cao xây dựng tối đa 01 tầng.

- Mặt nước (*sông, suối, kênh, rạch,...*): Diện tích 7,18 ha (*chiếm 1,89% diện tích đất toàn khu công nghiệp*).

- Đất giao thông: Diện tích 60,28 ha (*chiếm 15,88% diện tích đất toàn khu công nghiệp*).

**2. Quy định về tầng hầm công trình:** Các công trình khu điều hành, dịch vụ, công cộng và nhà ở cho phép tầng hầm tối đa 02 tầng (*gồm cả tầng bán hầm*); công trình nhà máy, xí nghiệp, sản xuất cho phép tầng hầm tối đa 01 tầng (*gồm cả tầng bán hầm*).

## V. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

### 1. Khu vực nhà máy sản xuất

- Đất xây dựng nhà máy, kho bãi (*kho tàng*) bố trí phù hợp với điều kiện địa hình, cảnh quan, hài hòa với quần thể kiến trúc khác trong khu công nghiệp và đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy nổ. Bố trí hợp lý mạng lưới kỹ thuật hạ tầng, cây xanh và cây xanh cách ly.

- Giải pháp thiết kế kiến trúc nhà xưởng phải phù hợp với chức năng và dây chuyền công nghệ. Màu sắc sử dụng các tông màu nhạt (*xám, trắng, kem, xanh nhạt,...*); mái nhà ưu tiên sử dụng màu xanh da trời; hạn chế sử dụng các tông màu nổi (*màu cam, xanh lá cây, vàng, đỏ,...*) làm tông màu chủ đạo khi xây dựng nhà xưởng trong khu công nghiệp, chỉ được sử dụng các tông màu nổi trên để làm điểm nhấn tạo mỹ quan.

**2. Khu vực điều hành, quản lý:** Hình thành khu vực tạo hình ảnh điểm nhấn kiến trúc, nhận diện khu công nghiệp; hình thức kiến trúc công trình kiến trúc hiện đại, kết hợp thiết kế cảnh quan không gian xanh hài hòa.

**3. Khu vực dịch vụ:** Đối với các công trình điều hành và dịch vụ, các giải pháp thiết kế kiến trúc cần đảm bảo phù hợp công năng cho từng loại hình công trình và cảnh quan chung, tổ hợp các hình khối chi tiết đơn giản, màu sắc chọn tông màu sáng, hài hòa, tạo sự đồng đều, hiện đại.

**4. Khu vực cây xanh cảnh quan:** Là khu vực không gian công cộng, phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí, triển khai các hoạt động văn hóa, tiếp xúc với thiên nhiên, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; cây xanh cảnh quan trồng theo tuyến, bao xung quanh các lô công nghiệp và cây xanh giao thông đảm bảo chủng loại phù hợp với cảnh quan và môi trường trong khu công nghiệp cũng như địa phương; thiết kế hệ thống cây xanh kết hợp với hệ thống mặt nước tạo hình ảnh khu công nghiệp xanh, điều hòa khí hậu. Các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư đảm bảo diện tích cây xanh theo quy chuẩn, khuyến khích thiết kế cây xanh, kết hợp mặt nước để điều hòa không khí, tạo môi trường xanh. Có thể kết hợp thêm nhiều tiện ích, dịch vụ như thể thao, bãi đỗ xe,... để phục vụ nhu cầu của người lao động và hoạt động trong khu công nghiệp.

**5. Khu vực hạ tầng kỹ thuật:** Không làm ảnh hưởng đến cảnh quan không gian, môi trường khu công nghiệp; việc vận chuyển, xử lý chất thải rắn, nước thải đảm bảo khoảng cách ly môi trường theo quy định.

**6. Khu vực bãi đỗ xe:** Kết hợp yếu tố cây xanh, thâm cỏ vào bãi đỗ xe để tăng thêm độ phủ xanh cho khu vực; tích hợp các công trình công nghệ nâng cao tiện ích (*trạm sạc xe điện, trạm rửa xe tự động, sửa chữa,...*).

## VI. QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Quy hoạch hệ thống giao thông

- Giao thông đối ngoại: Tiếp giáp, kết nối với tuyến đường Đông - Tây và kết nối với cao tốc Bắc - Nam qua đường gom.

- Giao thông đối nội: Quy hoạch mạng lưới ô bàn cờ đảm bảo kết nối các khu chức năng, quy mô các tuyến đường phù hợp với nhu cầu sản xuất của khu công nghiệp, cụ thể như sau:

- + Mặt cắt đường 1-1 có quy mô lộ giới 60,0 m;
- + Mặt cắt đường 2-2 có quy mô lộ giới 25,0 m;

- + Mặt cắt đường 3-3 có quy mô lộ giới 42,0 m;
- + Mặt cắt đường 4-4 có quy mô lộ giới 29,0 m;
- + Mặt cắt đường 5-5 có quy mô lộ giới 20,5 m;
- + Mặt cắt đường 6-6 có quy mô lộ giới 24,5 m;
- + Mặt cắt đường 7-7 có quy mô lộ giới 18,5 m;
- + Mặt cắt đường 8-8 có quy mô lộ giới 12,5 m.

- Các tuyến đường đảm bảo tối thiểu theo quy mô xác định trong quy hoạch phân khu, cơ cấu mặt cắt đường, cao độ thiết kế và chỉ giới xây dựng được xác định cụ thể theo quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư được phê duyệt, phù hợp với định hướng chung của khu công nghiệp.

*(Chi tiết hệ thống giao thông theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

## **2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

### *a) Quy hoạch san nền*

- Cao độ san nền bám theo nền địa hình tự nhiên, tận dụng tối đa nền địa hình để cân bằng khối lượng đào đắp, hướng từ Bắc đến Nam, từ Tây sang Đông đảm bảo độ dốc thoát nước toàn khu vực.

- Không chế cao độ nền xây dựng trung bình từ (+54,0)m đến (+68,0)m *(cao độ không chế san nền cụ thể cho từng lô đất theo đồ án được phê duyệt)*. Thiết kế san nền hạn chế tối đa khối lượng đào đắp nhưng vẫn đảm bảo độ dốc thoát nước chung cho toàn khu vực.

### *b) Quy hoạch thoát nước mưa*

- Mạng lưới thoát nước chia làm 04 lưu vực chính; nước mưa được thu gom, thoát vào các tuyến kênh hở trong phạm vi quy hoạch và chảy về suối hiện trạng phía Đông Nam khu công nghiệp.

- Mạng lưới thoát nước mưa trong khu công nghiệp được thiết kế kiểu tự chảy, bao gồm cống đường kính từ D600 đến D2000 đặt dọc theo các tuyến đường giao thông, hệ thống cửa xả và các tuyến kênh hở có mặt thoáng tối thiểu là 10 m và 30 m. Hệ thống thoát nước được thiết kế kỹ thuật đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thoát nước chung khu vực và khớp nối với các khu vực lân cận, quy mô cụ thể các tuyến cống thoát nước sẽ được tính toán, xác định theo dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành theo quy định.

- Khi triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, yêu cầu tính toán phương án thoát nước mưa đảm bảo tiêu thoát nước trong khu vực và đáp ứng lưu lượng xả lũ hồ đập Núi Vá, thực hiện thỏa thuận với cơ quan quản lý thủy lợi, hồ đập theo quy định; áp dụng các giải pháp thiết kế thoát nước bền vững, tính thích nghi với biến đổi khí hậu.

*(Chi tiết hệ thống thoát nước mưa theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

### 3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước cấp cho khu vực quy hoạch dự kiến lấy từ đường ống cấp nước dọc theo đường Đông - Tây (*phía Bắc khu quy hoạch*) cấp từ Nhà máy nước Tam Điệp; khi hệ thống cấp nước chưa đồng bộ, xây dựng trạm xử lý nước sạch (*kết hợp trạm bơm tăng áp; sử dụng nguồn nước ngầm, nước mặt lân cận*) đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Tây Nam của Khu công nghiệp.

- Bố trí đường ống cấp nước chính và phân bố có kích thước từ DN160 đến DN315 chạy theo các tuyến đường giao thông chính, kết nối tạo thành những mạch vòng khép kín đảm bảo khả năng cấp nước liên tục và đầy đủ.

- Dọc theo các tuyến đường ống cấp nước có bố trí trụ cứu hỏa bán kính phục vụ 150 m để cấp nước cho xe cứu hỏa khi có cháy với áp lực tại điểm bất lợi nhất; quy hoạch các bể chứa cháy của khu công nghiệp đảm bảo cấp nước phòng cháy chữa cháy theo quy định; bố trí thêm các điểm lấy nước mặt phục vụ cứu hỏa tại hồ cảnh quan.

- Khi thực hiện đầu tư đầu nối phải thỏa thuận với các cơ quan quản lý cấp nước theo quy định.

*(Chi tiết hệ thống cấp nước theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

### 4. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ trạm biến áp 110/22kV Tam Điệp II với công suất dự kiến 2x63MVA và các nguồn khác (*nếu có*), đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan.

- Hệ thống đường dây cao thế tuân thủ theo các quy hoạch liên quan và các dự án đầu tư xây dựng được cấp thẩm quyền phê duyệt; hệ thống đường dây trung thế gồm các tuyến đường dây 22kV (35kV) cấp từ trạm biến áp của khu công nghiệp đến các khu đất công nghiệp, khu điều hành, dịch vụ, các khu hạ tầng và chức năng; đường dây chiếu sáng, hạ thế đi ngầm chủ yếu phục vụ cấp điện chiếu sáng.

- Quy hoạch hệ thống các trạm biến áp 22/0,4kV phục vụ cho nhu cầu sản xuất của các nhà máy, khu điều hành, dịch vụ, các khu hạ tầng và chức năng, quy mô cụ thể sẽ thực hiện ở các bước lập dự án đầu tư theo quy định.

- Thực hiện việc di chuyển, hoàn trả hệ thống đường điện dân sinh và sản xuất đi qua khu vực đảm bảo duy trì cấp điện khu vực theo quy định.

- Quy mô công suất các trạm biến áp và hướng tuyến đường điện cao thế xác định theo quy hoạch phát triển điện lực của tỉnh Ninh Bình và theo dự án đầu tư được phê duyệt, khi thực hiện đầu tư phải thỏa thuận với các cơ quan quản lý điện lực theo quy định.

*(Chi tiết hệ thống cấp điện theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

## 5. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Các giải pháp quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc cho khu công nghiệp dựa trên cơ sở các mạng cáp điện thoại đảm bảo nhu cầu sử dụng theo từng khu vực và từng giai đoạn, đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của kỹ nghệ thông tin trong những năm tới.

- Hệ thống thông tin của khu vực quy hoạch là hệ thống tổng đài nội hạt và hệ thống công bố gồm các ống ngầm chạy dọc các tuyến đường đến từng nhà máy.

*(Chi tiết hệ thống thông tin liên lạc theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

## 6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường

### a) Quy hoạch thoát nước thải

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Lưu vực thoát và xử lý nước thải phân thành các lưu vực phù hợp với phương án quy hoạch chức năng của khu công nghiệp.

- Quy hoạch 01 trạm xử lý nước thải có công suất khoảng 11.000 m<sup>3</sup>/ngày và 02 trạm bơm chuyên bậc.

- Quy hoạch hệ thống công thu gom nước thải (*kích thước D300 đến D500*) dọc theo các tuyến đường giao thông để thu gom, vận chuyển nước thải về các trạm bơm chuyên bậc, đến các khu xử lý nước thải tập trung theo các lưu vực; vị trí điểm xả nước sau khi được xử lý thoát vào hệ thống thoát nước chung khu vực (*xác định cụ thể ở các bước tiếp theo*); yêu cầu quản lý chặt chẽ việc thỏa thuận điểm thoát nước và chất lượng nước sau khi xử lý để không ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng nguồn nước tại các khu vực lân cận.

- Quy mô, số lượng các trạm xử lý nước thải, các trạm bơm chuyên bậc được xác định cụ thể theo dự án đầu tư được cấp cho thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo nước thải đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

*(Chi tiết hệ thống thoát nước thải theo hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt)*

b) *Vệ sinh môi trường*: Phân loại rác tại nguồn và tổ chức thu gom, vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, rác thải tại các khu vực sẽ được các đội vệ sinh môi trường thu gom về trạm trung chuyển rác trước khi chuyển đến khu xử lý rác tập trung theo quy hoạch quản lý chất thải rắn của tỉnh Ninh Bình. Đối với rác thải nguy hại, chất thải sản xuất được thu gom, xử lý riêng theo các quy định về bảo vệ môi trường.

**7. Quy định quản lý theo đồ án:** Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II kèm theo Quyết định này.

## **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, trước các cơ quan giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và trước pháp luật về tính chính xác, pháp lý của nội dung thuyết minh và các bản vẽ, các chỉ tiêu, thông tin, số liệu Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II và quá trình triển khai thực hiện.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tam Điệp II và Quy định quản lý theo đồ án ban hành theo Quyết định phê duyệt này, gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định; tổ chức cắm mốc giới quy hoạch và tổ chức quản lý xây dựng theo quy hoạch, đảm bảo các quy định.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt cho các ngành, địa phương, đơn vị, các tổ chức và Nhân dân biết; quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn theo quy định.

4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, giám sát Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp thực hiện các nội dung, nhiệm vụ (*hoàn thiện hồ sơ, tổ chức cắm mốc giới quy hoạch; công bố, công khai quy hoạch; tổ chức quản lý quy hoạch xây dựng, ...*) theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tam Điệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP,  
các PCVP và các VP: 2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.

DL\_VP4\_67.QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Cao Sơn**